TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TN** **TỈNH TN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **72**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-11-2023.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN, TỈNH TN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Long.

Ông Nguyễn Văn Thuận.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN.

Đại diện Viện kiểm sát thành phố TN, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Bà Võ Lê Trúc Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 365/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Minh Q, sinh năm 1992; địa chỉ: Số nhà 83 đường Triệu Thị T, khu phố H Tr, phường HT, thị xã H Th, tỉnh TN.

Bị đơn: Chị Lê Thị Kim T, sinh năm 1992; địa chỉ: Số nhà 55, hẻm 31 đường CMT 8, khu phố N, phường M, thành phố TN, tỉnh TN.

- Anh Q, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 10 năm 2023 và bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Minh Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Kim T tự nguyện quen biết nhau, sống chung từ năm 2014, không đăng ký kết hôn đến thời điểm hiện tại chưa đăng ký kết hôn.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau về tình cảm và kinh tế. Tại biên bản hoà giải ngày 08-11-2023 anh Q

yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị Lê Thị Kim T là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, có 01 con chung tên Trần Tuấn V, sinh ngày 10-4-2015. Hiện con đang sống với chị T, nếu Tòa án tuyên bố chúng tôi không phải là vợ chồng thì anh Q đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Q không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị Kim T trình bày: Chị T thừa nhận lời trình bày của anh Q về thời gian sống chung như vợ chồng. Do không đăng ký kết hôn nên chị yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa chị và anh Trần Minh Q không phải là vợ chồng.

-Về con chung: Có 01 con chung như lời trình bày của anh Q, chị đồng ý trực tiếp nuôi con tên Trần Tuấn V, chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Chị T xác định không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố TN, tỉnh TN phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định; không vi phạm về tố tụng. Anh Q, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Anh Q, chị T sống chung từ năm 2014 nhưng không đăng ký kết hôn đến nay chưa đăng ký kết hôn. Đối chiếu theo pháp luật hiện hành, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận anh Q, chị T là vợ chồng. Con chung tên Trần Tuấn V, sinh ngày 10-4-2015 giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, nghe đương sự trình bày và hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Anh Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN.

Anh Trần Minh Q, chị Lê Thị Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và anh, chị có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự là có căn cứ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Q và chị T tự nguyện chung sống với nhau năm 2014 không đăng ký kết hôn và đến nay không đăng ký kết hôn. Tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình quy định "Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định"; khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý". Tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng". Vì vậy Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Q và chị T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Tuấn V, sinh ngày 10-4-2015. Hiện con đang sống với chị T, anh Q đồng ý giao con cho chị T được trực tiếp nuôi con và anh không cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu giao con của anh Q cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng nhận thấy rằng: Cháu Vỹ khi sinh ra và lớn lên ở một nơi cố định là nhà của cha mẹ chị T và hiện tại cháu đang học gần nơi sinh sống, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cháu. Mặt khác, anh Q có công việc nhưng xa nhà thường xuyên không thuận tiện đưa đón con nên điều kiện chăm sóc không được đảm bảo, nguyện vọng của cháu Vỹ muốn sống với mẹ và chị T đồng ý nuôi con; anh Q có yêu cầu giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Q. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Q, chị T xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[6] Về án phí: Anh Q phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 8; 9; 14; 15 khoản 2 Điều 53; Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

khoản 3 Nghị Quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội.

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ của anh Trần Minh Q và chị Lê Thị Kim T là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Kim T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Trần Tuấn V, sinh ngày 10-4-2015. Anh Q không cấp dưỡng nuôi con, ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Minh Q được quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Minh Q phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí anh Q đã nộp theo biên lai thu số 0002645 ngày 17-10-2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố TN, tỉnh TN. Ghi nhận anh Trần Minh Q đã nộp xong.

"Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự".

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Trọng Nghĩa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tp TN;
- Chi cục THADS tp TN;
- UBND phường HT;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ (N).